

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HK1 NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngành Công nghệ thực phẩm - Khóa 2020 + 2021 + 2022 + 2023 + 2024

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỲ	GHI CHÚ
1	D22_TP	FT09043	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2	30	15	15	0	0	0	0	HK7	
2	D22_TP		Công nghệ tự chọn 2:										
3	D22_TP	FT03025	Công nghệ chế biến rau quả	2	30	30	0	0	0	0	0	HK7	
4	D22_TP		Công nghệ tự chọn 3:										
5	D22_TP	FT09031	Công nghệ chế biến thủy sản	2	30	30	0	0	0	0	0	HK7	
6	D22_TP	FT09025	Đảm bảo chất lượng và Luật thực phẩm	3	45	30	15	0	0	0	0	HK7	
7	D22_TP	FT09027	Thực hành Công nghệ chế biến thực phẩm 2	1	30	0	0	0	30	0	0	HK7	
8	D22_TP	FT09044	Thực hành Phát triển sản phẩm thực phẩm	2	60	0	0	0	60	0	0	HK7	
9	D22_TP	FT03015	Đồ án CNTP 3: Thành phẩm	1	45	0	0	0	0	45	0	HK7	
10	D22_TP		Môn học tự chọn 1:										
11	D22_TP	FT03013	Marketing thực phẩm	3	45	45	0	0	0	0	0	HK7	
12	D22_TP		Môn học tự chọn 2:										
13	D22_TP	FT09021	Văn hóa ẩm thực	2	30	15	15	0	0	0	0	HK7	
14	D22_TP		Môn học tự chọn 3:										
15	D22_TP	FT03016	Quản lý môi trường	2	30	30	0	0	0	0	0	HK7	
16	D22_TP		Môn học tự chọn 4:										
17	D22_TP	FT03040	Nghiên cứu thị trường và người tiêu dùng	2	30	30	0	0	0	0	0	HK7	
18	D23_TP	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	0	HK5	
19	D23_TP	FT09011	An toàn thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	0	HK5	
20	D23_TP	FT09019	Công nghệ chế biến thực phẩm	3	45	45	0	0	0	0	0	HK5	
21	D23_TP	FT03031	Kỹ thuật thực phẩm 2	3	45	30	15	0	0	0	0	HK5	
22	D23_TP	FT03008	Công nghệ sau thu hoạch	3	45	30	15	0	0	0	0	HK5	
23	D23_TP	FT09014	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	30	15	15	0	0	0	0	HK5	
24	D23_TP	FT03010	Toán kỹ thuật	3	60	30	0	30	0	0	0	HK5	
25	D23_TP	FT09016	Bài tập lớn Kỹ thuật thực phẩm 2	1	45	0	0	0	0	45	0	HK5	
26	D23_TP	FT09023	Thực hành Công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	30	0	0	0	30	0	0	HK5	
27	D24_TP	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45	30	15	0	0	0	0	HK3	
28	D24_TP	GS19009	Tiếng Anh 3	2	45	30	0	15	0	0	0	HK3	
29	D24_TP	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	0	HK3	
30	D24_TP	AA19001	Vẽ kỹ thuật	3	45	30	15	0	0	0	0	HK3	
31	D24_TP	FT03007	Hóa sinh thực phẩm	3	45	30	15	0	0	0	0	HK3	
32	D24_TP	FT03004	Vật lý thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	0	HK3	
33	D24_TP	FT03042	Vi sinh thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	0	HK3	
34	D24_TP	FT09005	Thực hành Vi sinh thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	HK3	
35	D24_TP		Giáo dục thể chất 2 (tự chọn): chọn 1 trong 5 môn										
36	D24_TP	GS93008	Aerobic	0	45	0	15	0	30	0	0	HK3	
37	D24_TP	GS93009	Bóng bàn cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK3	
38	D24_TP	GS93010	Bóng chuyền cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK3	
39	D24_TP	GS93011	Bóng rổ cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK3	
40	D24_TP	GS93012	Cầu lông cơ bản	0	45	0	15	0	30	0	0	HK3	

DANH SÁCH MÔN HỌC TỔ CHỨC CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
ĐĂNG KÝ TRONG HK1 NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngành Công nghệ thực phẩm - Khóa 2020 + 2021 + 2022 + 2023 + 2024

STT	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TỈN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỌC KỲ	GHI CHÚ
41	D25_TP	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	4	60	45	15	0	0	0	0	HK1	
42	D25_TP	GS43001	Vật lý 1	3	45	30	15	0	0	0	0	HK1	
43	D25_TP	GS59001	Tin học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	0	HK1	
44	D25_TP	GS19007	Tiếng Anh 1	2	45	15	0	30	0	0	0	HK1	
45	D25_TP	FT03027	Hóa đại cương và hóa hữu cơ	4	60	45	15	0	0	0	0	HK1	
46	D25_TP	FT09035	Nhập môn CNTP và Đảm bảo chất lượng - An toàn TP	2	45	15	0	30	0	0	0	HK1	
47	D25_TP	GS49004	Thí nghiệm Vật lý Phần 1	1	15	0	0	0	15	0	0	HK1	
48	D25_TP	GS69002	Thực hành Hóa đại cương	1	30	0	0	0	30	0	0	HK1	
49	D25_TP	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	2	45	0	15	0	30	0	0	HK1	
Các lớp môn học mở cho Đại học các khóa học lại:													
1	DH_TP_HOCLAI	FT09012	Đánh giá cảm quan	2	30	30	0	0	0	0	0	-	
2	DH_TP_HOCLAI	FT09017	Đồ án CNTP 1: Nguyên liệu thực phẩm	1	45	0	0	0	0	45	0	-	
3	DH_TP_HOCLAI	GS93003	Giáo dục thể chất 3	0	30	0	0	0	30	0	0	-	
4	DH_TP_HOCLAI	GS93004	Giáo dục thể chất 4	0	30	0	0	0	30	0	0	-	
5	DH_TP_HOCLAI	GS69001	Hóa đại cương	3	45	30	15	0	0	0	0	-	
6	DH_TP_HOCLAI	FT09002	Hóa học thực phẩm	4	60	60	0	0	0	0	0	-	
7	DH_TP_HOCLAI	FT03006	Hóa lý	3	45	30	15	0	0	0	0	-	
8	DH_TP_HOCLAI	GS09012	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	0	30	0	0	0	-	
9	DH_TP_HOCLAI	FT09001	Nhập môn Công nghệ thực phẩm	2	45	15	0	30	0	0	0	-	
10	DH_TP_HOCLAI	FT09026	Phát triển sản phẩm thực phẩm	3	45	30	15	0	0	0	0	-	
11	DH_TP_HOCLAI	FT03009	Phụ gia thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	0	-	
12	DH_TP_HOCLAI	FT03012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	-	
13	DH_TP_HOCLAI	FT09015	Thực hành Đánh giá cảm quan	1	30	0	0	0	30	0	0	-	
14	DH_TP_HOCLAI	FT09004	Thực hành Hóa học thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	-	
15	DH_TP_HOCLAI	FT09028	Thực hành Phát triển sản phẩm thực phẩm	1	30	0	0	0	30	0	0	-	
16	DH_TP_HOCLAI	FT03029	Thực hành Vi sinh thực phẩm	2	60	0	0	0	60	0	0	-	
17	DH_TP_HOCLAI	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)_Khóa 2020, 2021	3	45	30	15	0	0	0	0	-	
18	DH_TP_HOCLAI	GS43002	Vật lý 2	4	60	45	15	0	0	0	0	-	
19	DH_TP_HOCLAI	FT03028	Vi sinh thực phẩm	4	60	45	15	0	0	0	0	-	
20	DH_TP_HOCLAI		Môn Tiếng Anh cuối khóa: Sinh viên xem chi tiết Thông báo số 450-23/TB-DSG-DT ngày 03/11/2023 trên Web/Cổng TTĐT.										
21	DH_TP_HOCLAI		Môn học dành cho sinh viên khóa 2020 và 2021 chưa học hoặc đã học nhưng không đạt, sinh viên lựa chọn 1 trong 2 môn sau để đăng ký:										
22	DH_TP_HOCLAI	GS00001	Tiếng Anh cuối khóa (có tiền sách): SV chọn đăng ký môn này nếu chưa có sách	0	30	30	0	0	0	0	0	-	
23	DH_TP_HOCLAI	GS00002	Tiếng Anh cuối khóa (không có tiền sách): SV chọn đăng ký môn này nếu đã có sách	0	30	30	0	0	0	0	0	-	